



Quan điểm, phương pháp tiếp cận và giải pháp thúc đẩy bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam

NGUYỄN THỊ DOAN

Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Bảo hiểm nông nghiệp (BHNN) là công cụ tài chính gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp, bảo vệ người nông dân trước rủi ro thiên tai, thời tiết cũng như rủi ro về biến động giá cả trên thị trường (FAO, 2011). Tại Việt Nam, BHNN đã được triển khai thí điểm từ năm 1982 và chính thức được áp dụng trên toàn quốc từ năm 2019 theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về BHNN. Đây là loại hình bảo hiểm dành cho đối tượng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, trong đó bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm (Nghị định số 58/2018/NĐ-CP).

BHNN mang lại nhiều lợi ích thiết thực như: Bảo vệ tài sản và giúp nông dân vượt qua thảm họa mùa màng do thiên tai, dịch bệnh gây ra; tăng chất lượng, sản phẩm nông sản do quy trình sản xuất được quản trị tốt hơn; tăng độ tin cậy, lòng tin của các bên khi tham gia chuỗi giá trị; khuyến khích đầu tư vào sản xuất nông nghiệp khi những rủi ro được quản trị tốt, đồng thời hạn chế được rủi ro trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp; giảm áp lực ngân sách nhà nước khi Nhà nước có thể thay thế dần chính sách hỗ trợ thảm họa sang hỗ trợ quản trị rủi ro; thúc đẩy cơ chế thị trường phát triển; giảm sự phụ thuộc của nông dân vào nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước sau thiên tai, dịch bệnh (hiện nay, chính sách hỗ trợ đang thực hiện theo Nghị định số 09/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật và Nghị định số 116/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật). Về cơ bản, BHNN có ba vai trò chính, bao gồm: (i) Hỗ trợ làm giảm bớt những thiệt hại do rủi ro gây ra, từ đó ổn định thu nhập của người dân, ổn định xã hội, góp phần phát triển kinh tế ngành và quốc gia; (ii) Làm giảm tỷ lệ nợ xấu của người dân do ảnh hưởng của rủi ro, từ đó ổn định an sinh xã hội tại khu vực nông thôn; (iii) Mang lại nguồn vốn nhất định giúp người dân khắc phục sản xuất sau khi rủi ro xảy ra.

1. THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Thực trạng

Trung bình mỗi năm, tại Việt Nam, thiên tai khiến

240 người chết và mất tích, thiệt hại kinh tế gần 30.000 tỷ đồng [1], buộc Nhà nước phải chi ngân sách bổ sung cho công tác khắc phục hậu quả, hỗ trợ người dân và phục hồi sản xuất. Cùng với đó là những tổn thất khác như mất mùa kéo dài, gián đoạn chuỗi cung ứng, mất an ninh lương thực cục bộ... Gần đây nhất, cơn bão Yagi (tháng 9/2024) đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều địa phương trên phạm vi cả nước với tổng thiệt hại lên tới hơn 81.703 tỷ đồng, trong đó ngành nông nghiệp phải gánh chịu tổn thất lên tới 30.800 tỷ đồng, chiếm 38% tổng thiệt hại, cụ thể: 286.660 ha lúa, 63.350 ha hoa màu bị ngập úng, thiệt hại; 39.242 ha cây ăn quả bị hư hại; 190.230 ha rừng bị tàn phá; 36.310 ha và 11.835 lồng bè nuôi trồng thủy sản bị hư hỏng, cuốn trôi; trên 44.500 con gia súc; trên 5,7 triệu con gia cầm bị chết [2]. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của hàng loạt DN và nông dân cũng bị đình trệ, nhiều gia đình trở nên trắng tay vì mất vốn sản xuất, lâm vào nợ xấu. Riêng đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank), thiệt hại do bão Yagi gây ra đã ảnh hưởng đến 28.200 khách hàng vay vốn, tổng dư nợ bị ảnh hưởng ước tính 40.000 tỷ đồng và dư nợ bị thiệt hại trực tiếp gần 17.000 tỷ đồng. Agribank ghi nhận 512 khách hàng DN bị thiệt hại, với dư nợ thiệt hại 6.195 tỷ đồng, nhưng chỉ có 155 khách hàng được bảo hiểm, với số tiền bồi thường khoảng 200 tỷ đồng. Điều này cho thấy lượng khách hàng vay vốn tại Agribank tham gia bảo hiểm còn rất khiêm tốn. Nếu xét tỷ lệ bảo hiểm so với dư nợ bị thiệt hại, chỉ 0,65% dư nợ bị thiệt hại của Agribank được bảo vệ bởi bảo hiểm. Đây là minh chứng khẳng định vai trò không thể thiếu của bảo hiểm trong việc giảm thiểu rủi ro tài chính và nhấn mạnh rằng tỷ lệ tham gia bảo hiểm còn rất thấp, cần có giải pháp để thúc đẩy mạnh mẽ hơn trong thời gian tới [3].

Với vai trò là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, nông nghiệp vẫn dễ dàng bị tổn thương trước những biến động của thiên nhiên. Ngày 22/5/2025, Ngân hàng thế giới (WB) đã công bố hai báo cáo chiến lược: “Việt Nam 2045 - Đột phá: Thể chế cho một tương lai thu nhập cao” và “Việt Nam 2045 - Tăng trưởng xanh hơn: Con đường hướng tới tương lai bền vững”. Cả hai báo cáo đều khẳng định, để hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045, Việt Nam cần tăng tốc cải cách thể chế và chuyển đổi



Cần hoàn thiện chính sách và thể chế để BHNN trở thành công cụ tài chính quan trọng, thúc đẩy ngành nông nghiệp tại Việt Nam phát triển theo hướng nhanh, bền vững

sang mô hình tăng trưởng xanh, bao trùm, bền vững. Báo cáo “Đột phá: Thể chế cho một tương lai thu nhập cao”, WB nhấn mạnh cải cách thể chế là điều kiện tiên quyết để Việt Nam vượt qua bẫy thu nhập trung bình. Trong khi Báo cáo “Tăng trưởng xanh hơn” cảnh báo rằng biến đổi khí hậu (BĐKH) là mối đe dọa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Các kịch bản mô phỏng cho thấy, nếu mực nước biển dâng từ 75 -100 cm, gần 50% diện tích đồng bằng sông Cửu Long có nguy cơ bị ngập trong nửa sau thế kỷ XXI. Đồng thời, khảo sát năm 2024 cho thấy, 75% doanh nghiệp may mặc và điện tử - hai ngành xuất khẩu chủ lực đang hoạt động tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi nhiệt độ cao, khiến 1,3 triệu lao động rơi vào nhóm dễ bị tổn thương. Nếu không có biện pháp thích ứng kịp thời, hiệu quả, Việt Nam có thể thiệt hại tới 12,5% GDP vào năm 2050 do BĐKH. Tuy nhiên, nếu đầu tư kịp thời vào các biện pháp thích ứng, con số này có thể được thu hẹp xuống còn 6,7% [4].

Trước bối cảnh đó, BHNN trở thành một công cụ tài chính hữu hiệu giúp người dân và DN có điểm tựa để phục hồi sau các rủi ro thời tiết và thiên tai, không chỉ cung cấp hỗ trợ tài chính kịp thời mà còn đóng vai trò như một lớp phòng vệ kinh tế, một “tấm lá chắn” thiết yếu trong chiến lược ứng phó với rủi ro và BĐKH. Đặc biệt, Việt Nam được đánh giá là một trong 5 quốc

gia thuộc nhóm dễ tổn thương nhất trước BĐKH, tần suất và cường độ các hình thái thời tiết cực đoan ngày càng tăng cao, do đó trong thời gian tới BHNN nên được xem là một công cụ bảo vệ trước các rủi ro và yếu tố bất định, từ đó vừa đóng góp duy trì sự ổn định của ngành nông nghiệp, vừa góp phần đảm bảo an ninh lương thực. Hơn nữa, bằng cách tăng cường khả năng phục hồi của người nông dân, BHNN hỗ trợ sự ổn định kinh tế, thúc đẩy phát triển bền vững và giảm thiểu tác động kinh tế do thời tiết cực đoan gây ra.

Chính sách hỗ trợ BHNN tại Việt Nam hiện đang được thực hiện theo Nghị định số 58/NĐ-CP năm 2028 và Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 9/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ và thời gian áp dụng đến hết ngày 31/12/2025. Theo đó, có 5 loại cây trồng (lúa, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê); 3 loại vật nuôi (trâu, bò, lợn); 3 loại thủy sản (tôm thẻ, tôm sú, cá tra) được hỗ trợ tại một số địa bàn (trồng trọt tại 7 tỉnh; chăn nuôi tại 11 tỉnh; thủy sản tại 5 tỉnh) và rủi ro được bảo hiểm cho 19 loại thiên tai, cùng một số dịch bệnh (12 bệnh thực vật, 4 loại bệnh động vật, không bảo hiểm bệnh cho thủy sản). Tuy nhiên, tính đến tháng 8/2025, mới có khoảng hơn 16.700 hộ tham gia với doanh thu 6,88 tỷ và công tác bồi thường chỉ đạt 198 triệu đồng cho 2 nhóm chính là bảo hiểm cây lúa và bảo hiểm trâu bò, trong khi bảo hiểm thủy sản chưa được triển khai [5].



Kết quả này vẫn còn rất hạn chế cả về quy mô lẫn mức độ lan tỏa. Đáng chú ý, số lượng nông dân tham gia đang có chiều hướng giảm dần, nguyên nhân chính là do sự thiếu nhận thức và hiểu biết về loại hình bảo hiểm này. Nhiều nông dân còn khá xa lạ với khái niệm, chưa nắm rõ lợi ích tiềm năng của bảo hiểm và các lựa chọn phù hợp. Thách thức càng khó giải quyết hơn bởi một số sản phẩm bảo hiểm khá phức tạp, khó hiểu nếu không có sự hướng dẫn hoặc tập huấn cần thiết.

1.2. Một số thách thức

Chính sách và định hướng về BHNN chưa được rà soát, điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế: Các quy định tại Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ và chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ còn bất cập cả về loại cây trồng, vật nuôi, dịch bệnh được bảo hiểm. Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ BHNN mới chú trọng đến công tác an sinh xã hội (hộ nghèo, cận nghèo và hộ thường, bao gồm hộ sản xuất hàng hóa) mà chưa quan tâm đến phục vụ phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn như cà phê, hồ tiêu, cao su, thủy sản, lợn thịt, gia cầm, rau quả; chưa gắn BHNN với phòng chống rủi ro trong sản xuất của hợp tác xã (HTX), DN và nông hộ. Mặt khác, một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến thúc đẩy BHNN. Công tác tuyên truyền, kiểm tra còn hạn chế. Thực tế triển khai tại địa phương giao cho ngành nông nghiệp trong khi cán bộ không có nghiệp vụ về bảo hiểm và rà soát đối tượng chính sách, dẫn đến nhiều vướng mắc.

Sản xuất nông nghiệp phần lớn quy mô nhỏ lẻ: Giai đoạn 2019 - 2023 (triển khai theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP), BHNN được áp dụng tại 20 tỉnh, thành phố nhưng chủ yếu thực hiện ở cấp hộ sản xuất cá thể với 317.000 hộ dân tham gia, song phần lớn không thông qua tổ nhóm hay HTX, hoặc tổ chức sản xuất nông nghiệp khác. Với quy mô nhỏ, manh mún, sản xuất nông nghiệp nhiều nơi chưa tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch về an toàn dịch bệnh; an toàn thực phẩm và môi trường [5]. Một bộ phận người nông dân không thực hiện đúng quy trình nuôi trồng một cách khoa học (phun thuốc trừ sâu, vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng cho vật nuôi...), dẫn đến thiếu tính chủ động ứng phó với rủi ro và gặp khó khăn trong việc giám sát, giải quyết tranh chấp khi xảy ra [6].

BHNN tại Việt Nam hiện nay dễ bị trục lợi: Tình trạng trục lợi BHNN diễn ra khá tinh vi, bởi vì ranh giới giữa rủi ro được bảo hiểm và rủi ro không được bảo hiểm rất khó kiểm soát, trong khi cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống công nghệ thông tin của địa phương và DN bảo hiểm còn hạn chế; lực lượng cán bộ mỏng, chưa có nhiều kinh nghiệm triển khai nghiệp vụ bảo hiểm mới [6]. Do khó xác định rủi ro, mức độ thiệt hại và phụ

thuộc các cơ quan chuyên môn xác nhận... vì thế khó huy động các bên tham gia, nhất là DN bảo hiểm.

Hạ tầng phục vụ BHNN chưa có hoặc rất hạn chế: Thiếu cơ sở dữ liệu dùng chung về BHNN như số liệu sản xuất, rủi ro cấp độ xã, tỉnh trong quá khứ; dữ liệu về chỉ số thời tiết... vào điều tra thông tin, thiết kế sản phẩm, đánh giá rủi ro, giám định tổn thất trong BHNN. Công cụ giám sát còn thiếu, chưa đồng bộ như hệ thống quan trắc, công cụ khai báo, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh, dẫn đến việc tranh chấp, chưa tạo được niềm tin giữa DN bảo hiểm và người sản xuất tham gia bảo hiểm.

2. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG TIẾP CẬN THÚC ĐẨY BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Bảo hiểm là công cụ quản trị rủi ro, không chỉ hỗ trợ tạm thời tại khi xảy ra sự kiện bảo hiểm: Thay vì chỉ xem BHNN là một cơ chế đền bù thiệt hại sau các sự kiện rủi ro (thiên tai, dịch bệnh...), cần coi đây là một công cụ tài chính thiết yếu để quản trị rủi ro, bảo vệ tài sản, giúp nông dân vượt qua thảm họa. Quan điểm này giúp nông dân chủ động hơn trong sản xuất, đồng thời giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước cho công tác cứu trợ.

Hoàn thiện chính sách và thể chế: Việc triển khai chính sách BHNN theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP trong những năm qua còn nhiều bất cập, đặt ra yêu cầu phải có sự thay đổi toàn diện cả về cách tiếp cận, chính sách hỗ trợ để BHNN phát triển thực chất, bền vững. Trong đó, tập trung vào các nội dung: (i) Cần có quy định về chính sách tài chính trong từng năm, giai đoạn hỗ trợ BHNN cả ở Trung ương và địa phương gắn với các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc quản lý tài chính trong nông nghiệp; (ii) Xem xét thay đổi cách tiếp cận chính sách, không chỉ tập trung hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, hộ thường, tổ chức sản xuất mà cần mở rộng đối tượng ưu tiên theo địa bàn (vùng, miền có nguy cơ cao về thiên tai, dịch bệnh); theo đối tượng (sản xuất hàng hóa, quy mô lớn); (iii) Đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm, bổ sung các loại hình bảo hiểm theo chỉ số (chỉ số thời tiết, viễn thám) và không phụ thuộc vào tổn thất thực tế; mở rộng đối tượng, loại hình rủi ro được bảo hiểm. Hiện Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2018/NĐ-CP để bảo hiểm cả tài sản, nông cụ, máy móc, nhà xưởng cho nông dân, HTX, DN. Đây là tư liệu sản xuất quan trọng, tài sản lớn đối với nông dân, vì vậy cần thiết có sự hỗ trợ để bảo hiểm cho những tài sản này; (iv) Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và người sản xuất cùng chia sẻ tỷ lệ hỗ trợ phí BHNN như kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới để đảm bảo yếu tố bền vững, thúc đẩy sự tham gia của



các bên liên quan. Đồng thời, Chính phủ nên xem xét chính sách hỗ trợ tái bảo hiểm khi xảy ra thảm họa và cân nhắc việc thành lập Quỹ bảo đảm quốc gia về thiên tai nông nghiệp.

Thúc đẩy vai trò của các tổ chức trung gian, tập trung vào HTX, tổ nhóm: Các tổ nhóm nông dân, HTX được xác định là đối tác trung tâm trong chính sách BHNN thể hệ mới, trong đó, ưu tiên chính sách hỗ trợ HTX tham gia BHNN. Tính đến năm 2024, khu vực kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp có trên 22.000 HTX nông nghiệp và hơn 34.000 tổ nhóm nông dân hoạt động trong các vùng sản xuất nông nghiệp, chiếm 65% số lượng HTX, với khoảng 3,8 triệu thành viên, hộ gia đình tham gia, đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn [7]. Nhiều HTX nông nghiệp đã được tiếp cận công nghệ số như: Truy xuất nguồn gốc, nhật ký điện tử, phần mềm kế toán... có thể trở thành những đối tác hiệu quả của các DN bảo hiểm.

Việc triển khai BHNN thông qua tổ nhóm nông dân, HTX đã được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định: “BHNN là công cụ quản trị rủi ro quan trọng, gắn với xây dựng hệ thống an sinh nông thôn mới và thúc đẩy đầu tư tư nhân vào nông nghiệp”. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới cũng xác rõ vai trò của các HTX nông nghiệp trong cung cấp dịch vụ đầu vào, đầu ra, dịch vụ tài chính cho thành viên và các hộ nông dân. Do đó, triển khai bảo hiểm thông qua các tổ chức này sẽ giúp giảm chi phí, tăng sự tin tưởng của nông dân và hỗ trợ công tác giám sát, xác minh thiệt hại một cách khách quan.

Ứng dụng khoa học công nghệ: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đặt ra yêu cầu nhưng cũng là thời cơ để giúp BHNN được số hóa, tích hợp với dữ liệu sản xuất và rủi ro thời tiết, xây dựng nền tảng giám sát, bảo hiểm số. Hiện nay, việc tăng cường ứng dụng công nghệ, đặc biệt là viễn thám và dữ liệu nông nghiệp số quản lý quá trình sản xuất; đánh giá rủi ro, giám định tổn thất, thiết kế sản phẩm bảo hiểm rất phù hợp với xu thế của thế giới cũng như các sản phẩm số mới của DN bảo hiểm.

Tăng cường năng lực và tuyên truyền về BHNN: Nâng cao năng lực cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong việc giám sát và đảm bảo giám sát BHNN minh bạch, có lợi cho các bên tham gia; đa

dạng nội dung, cách thức truyền thông (ngoài việc khi gặp rủi ro sẽ được hỗ trợ, đền bù để giảm thiểu thiệt hại, người dân khi tham gia bảo hiểm còn được hướng dẫn cách thức quản trị rủi ro kể từ khi bắt đầu một chu trình sản xuất; được áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến để nâng cao tính an toàn và chất lượng nông sản; tạo điều kiện để thu hút DN cùng đầu tư, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản); giao nhiệm vụ truyền thông đến tận hệ thống khuyến nông, trồng trọt, phòng chống thiên tai cấp xã, thôn.

3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP

BHNN là một loại hình bảo hiểm truyền thống nằm trong số những sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ hiện hành trên thị trường bảo hiểm thế giới. Mặc dù đã trải qua nhiều lần thí điểm với nhiều sản phẩm cũng như quy mô khác nhau và đã chính thức được áp dụng ở phạm vi quốc gia theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ về BHNN từ năm 2019 đến nay, song loại hình bảo hiểm này hiện vẫn chưa thực sự phát huy được tính ưu việt, đòi hỏi cần có nhiều giải pháp quyết liệt hơn nữa.

Thứ nhất, BHNN là nghiệp vụ phức tạp, rủi ro cao, xuất phát từ thực tế biến động khó lường của thiên tai, dịch bệnh, việc triển khai đòi hỏi các DN bảo hiểm phải có năng lực tài chính lớn, đội ngũ cán bộ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và mạng lưới phân phối sản phẩm đủ rộng, đảm bảo khả năng tiếp cận đến cơ sở (cấp thôn, xóm, HTX). Đồng thời, có sự tham gia của nhà tái bảo hiểm quốc tế, với sự hỗ trợ kịp thời, phối hợp chặt chẽ của các cấp chính quyền tại cơ sở. Vì vậy, các DN bảo hiểm cần tiếp tục dành nhiều thời gian để nghiên cứu, xây dựng sản phẩm và thỏa thuận, đàm phán với nhà tái bảo hiểm quốc tế để đảm bảo khả năng tài chính bồi thường cho bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm khi rủi ro xảy ra. Đặc biệt, trong trường hợp có rủi ro thảm họa, DN bảo hiểm trong nước phải tính toán mức giữ lại và thu xếp tái bảo hiểm cho các nhà nhận tái bảo hiểm nước ngoài. Do đó, sản phẩm BHNN (bao gồm điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, mức khấu trừ bảo hiểm...) phụ thuộc nhiều vào việc đàm phán với nhà tái bảo hiểm quốc tế.

Thứ hai, cũng như một số các loại hình bảo hiểm khác, nguyên tắc thực hiện BHNN là tự nguyện thỏa thuận, không giới hạn tổ chức, cá nhân tham gia, đối tượng bảo hiểm, rủi ro được bảo hiểm và phạm vi địa bàn. Vì vậy, để khuyến khích nông dân tham gia BHNN, ngoài nỗ lực của DN bảo hiểm, cần có sự đồng lòng của các cấp, các ngành và toàn xã hội. Sự vào cuộc tích cực, chủ động của cả hệ thống chính trị trong việc kịp thời ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ kịp thời là một trong những yếu tố chủ quan mang tính quyết định. Trong đó, các cấp chính quyền địa phương, nhất



là cấp cơ sở đóng vai trò then chốt; các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò hỗ trợ, tuyên truyền, động viên người dân thực hiện, đảm bảo chính sách ổn định, lâu dài, không bị ngắt quãng, vừa bảo vệ quyền lợi cho người nông dân, vừa đảm bảo cho các cấp chính quyền địa phương cũng như DN bảo hiểm thuận lợi tổ chức thực hiện.

Thứ ba, người tham gia bảo hiểm (nông dân), DN bảo hiểm, chính quyền địa phương và cơ quan liên quan, Nhà nước, nhà tái bảo hiểm... cần có sự phối hợp chặt chẽ do đối tượng của BHNN đa dạng, phức tạp, giá trị nhỏ, phân bố trên địa bàn rộng, trong khi hoạt động nuôi trồng, canh tác theo các chuẩn mực quốc tế còn hạn chế, dẫn đến DN bảo hiểm gặp khó khăn trong xác định giá trị, thiệt hại và khó đàm phán với các nhà tái bảo hiểm quốc tế. Bên cạnh đó, người nông dân cần áp dụng, tuân thủ kỹ thuật canh tác, nuôi trồng theo chuẩn mực trong nước, quốc tế để thuyết phục được các nhà tái bảo hiểm quốc tế tham gia cùng DN bảo hiểm trong nước.

Thứ tư, Nhà nước được xem là “bệ đỡ” cho các hộ nông dân và DN BHNN trong việc tái bảo hiểm để tránh nguy cơ vỡ nợ (khi vay vốn) hoặc phá sản khi các DN bảo hiểm chịu tổn thất nặng do rủi ro trên diện rộng và gây thiệt hại nghiêm trọng đối với sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, Việt Nam cần nghiên cứu có một cơ chế tài chính phù hợp với cả hai đối tượng nêu trên, nhằm đảm bảo thực hiện BHNN thuận lợi và hiệu quả. Đặc biệt, Nhà nước cần hỗ trợ nông dân và DN bảo hiểm thông qua các hợp đồng vay vốn sản xuất hoặc hợp đồng bảo hiểm.

Thứ năm, hiện nay công nghệ bảo hiểm (Insurtech) đang mở ra một kỷ nguyên mới cho BHNN, mang đến những giải pháp sáng tạo để vượt qua các rào cản truyền thống. Nhờ vào công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và nền tảng di động, Insurtech đang kết nối bảo hiểm đến những khu vực xa xôi, giúp nông dân dễ dàng tiếp cận dịch vụ bảo hiểm hiệu quả và phù hợp. Đồng thời, các ứng dụng và nền tảng di động thân thiện với người dùng đã đơn giản hóa quy trình, từ việc lựa chọn chương trình bảo hiểm, mua bảo hiểm đến yêu cầu bồi thường. Nhờ đó, ngay cả đối tượng là nông dân với trình độ học vấn hay kỹ năng công nghệ hạn chế cũng có thể tiếp cận dịch vụ bảo hiểm thiết yếu. Nhiều giải pháp Insurtech như bảo hiểm chỉ số thời tiết cũng được thiết kế riêng nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của nông dân. Ngoài ra, Insurtech còn sử dụng dữ liệu theo thời gian thực để đánh giá và quản lý rủi ro một cách chính xác. Cách tiếp cận chủ động này đảm bảo nông dân và các DN nông thôn nhận được sự hỗ trợ kịp thời để giảm thiểu rủi ro hiệu quả. Đặc biệt, rào cản về chi phí đã được giải quyết nhờ việc thiết kế sản phẩm dựa trên dữ liệu,

bao gồm tùy chọn bảo hiểm vi mô có giá cả phải chăng, mang lại khả năng bảo vệ tài chính quan trọng cho cộng đồng dễ bị tổn thương.

Có thể thấy, công nghệ đã tiến sâu vào các khâu của quy trình bảo hiểm, trong đó có BHNN. Vì vậy, để ứng dụng công nghệ được thực hiện mạnh mẽ và dễ dàng hơn trong lĩnh vực bảo hiểm, Nhà nước nên có những khuôn khổ pháp lý để những DN bảo hiểm truyền thống đang hoạt động ở Việt Nam nếu muốn sử dụng công nghệ mới, có thể phối hợp với một số công ty khởi nghiệp về công nghệ để cùng phát triển cách làm mới, sản phẩm mới.

Kết luận: Tại Việt Nam, nông nghiệp là một ngành sản xuất quan trọng, đồng thời cũng là thị trường tiềm năng cho xã hội, song lại đang tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vì vậy, để giải quyết bài toán hiện hữu này, vấn đề đặt ra là cần có sự nỗ lực của toàn xã hội thông qua thị trường BHNN, trong đó, Nhà nước, DN và nông dân cần phải có những động thái tích cực nhằm hướng đến sự ổn định. Với những giải pháp trên, hy vọng rằng BHNN sẽ trở thành một công cụ tài chính quan trọng, giúp giảm thiểu rủi ro, đồng thời thúc đẩy quá trình phát triển của ngành nông nghiệp tại Việt Nam theo hướng nhanh và bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai, 2025. Báo cáo tại Diễn đàn “Phòng, chống thiên tai và Cảnh báo sớm trong vận hành chính quyền hai cấp” diễn ra ngày 12/8/2025 tại Ninh Bình.
2. Báo cáo về tình hình thiệt hại, công tác ứng phó, khắc phục hậu quả bão số 3 (Yagi) và nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới do Chính phủ gửi Quốc hội, 2024.
3. Thu Trang, 2024. Bảo hiểm nông nghiệp - lá chắn tài chính an toàn cho nhà nông.
4. WB, 2025. Báo cáo “Việt Nam 2045 - Tăng trưởng xanh hơn: Con đường hướng tới tương lai bền vững”, công bố ngày 22/5/2025.
5. Báo cáo tham luận của Cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Bộ NN&MT tại cuộc họp bàn giải pháp quản lý rủi ro tài chính BDKH lĩnh vực nông nghiệp, tổ chức ngày 25/8/2025 tại Hà Nội.
6. Bạch Hồng Vân, 2014. BHNN ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 8 (81) - 2014.
7. Cục Kinh tế hợp tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2024. Báo cáo tại Hội thảo quốc tế về “Phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp thông qua đổi mới và nâng cao chất lượng” diễn ra ngày 1/8/2024 tại Cần Thơ.
8. Eckstein, D., Künzel, V., & Schäfer, L. (2017). Risk Index 2018. Who Suffers Most From Extreme Weather Events? Weather-related Loss Events in 2016 and 1997 to 2016.